

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:136/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10/6/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:73a/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh D.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Quý Mạnh C**, sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A.

(Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông C tự tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 25/02/2008. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Sau hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông C đã ly thân hơn 1 năm. Nay không thể kéo dài cuộc hôn nhân nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung tên Bùi Quý Nhật H sinh ngày 10/4/2008 và Bùi Quý Nhật Th sinh ngày 05/10/2010 hiện đang sống với

ông C. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông C nuôi dưỡng, mỗi tháng bà cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 người/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bùi Quý Mạnh C trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà Th, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Quý Mạnh C. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Bùi Quý Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Bùi Quý Mạnh C vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà Th và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Th và ông C được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Nay bà Th kiên quyết xin ly hôn với ông C vì hai bên bất đồng quan điểm sống. Bà Th không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này. Bà và ông C đã ly thân hơn 1 năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông C không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2022, bà Bùi Thị Thanh Th là chị của ông C trình bày bà Th đã bỏ nhà đi khoảng 2 năm nay, không có về thăm con, chỉ lâu lâu điện thoại hỏi thăm. Nay gia đình bà cũng mất liên lạc với bà Th. Bà thấy hai vợ chồng ông C với bà Th không thể hàn gắn được vì đã bỏ nhà đi lâu rồi và không có liên lạc.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà Th xác định bà và ông C có 02 con chung gồm: Bùi Quý Nhật H sinh ngày 10/4/2008 và Bùi Quý Nhật Th sinh ngày 05/10/2010 hiện đang sống với ông C. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông C nuôi dưỡng, mỗi tháng bà cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/1 người/1tháng.

Xét thấy, hai cháu Nhật H và Nhật Th đang ở chung với ông C, có cuộc sống ổn định và nguyện vọng sống chung với ông C. Ông C cũng không có phản đối hay ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, nhằm không làm thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ nên chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao 02 con chung tên Nhật H và Nhật Th cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Nguyễn Thị Th là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 người/1tháng là không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2022 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Th được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C không có ý kiến phản hồi về nợ chung và cho đến khi xét xử sơ thẩm không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà Th và ông C nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án, nếu sau này ông bà có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C không có ý kiến phản hồi về phần tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc “Ly hôn” đối với ông Bùi Quý Mạnh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Bùi Quý Mạnh C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Quý Mạnh C có 02 con chung.

Giao 02 con chung tên Bùi Quý Nhật H sinh ngày 10/4/2008 và Bùi Quý Nhật Th sinh ngày 05/10/2010 cho ông Bùi Quý Nhật C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 người/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2022 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Nguyễn Thị Th được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002498, ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Th phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

Ông Bùi Quí Mạnh C không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Th, ông Bùi Quí Mạnh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng